

KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT LẠC THƯƠNG PHẨM NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG CAO THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TẠI VÙNG BẮC TRUNG BỘ

Bùi Văn Hùng¹, Phạm Văn Linh¹, Trần Duy Việt¹

TÓM TẮT

Năm 2019, dự án đã xây dựng được 6 mô hình sản xuất giống lạc L20 với diện tích 60 ha tại 4 tỉnh Bắc Trung bộ (Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình và Quảng Trị). Kết quả sản xuất mô hình cho năng suất bình quân đạt 38,76 tạ/ha cao hơn ngoài mô hình 10,93 tạ/ha. Hàm lượng lipid đạt 48,78%, protein đạt 32,25%, hàm lượng tinh bột đạt 6,78%. Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật cho 600 lượt người và 03 lớp đào tạo nhân rộng mô hình cho 120 lượt người; tổ chức hội nghị, tham quan đầu bờ cho 300 lượt người. Dự án và các cấp chính quyền địa phương đã liên kết với các doanh nghiệp cùng đồng hành với các hộ trong quá trình sản xuất, cung cấp giống, vật tư, thuốc bảo vệ thực vật, quy trình canh tác mới và cam kết, thu mua sản phẩm cho nông dân. Hiệu quả mô hình, đã thay đổi nhận thức canh tác truyền thống của nông dân, chủ động, hạn chế rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, chất lượng sản phẩm được nâng cao, giá cả ổn định, hiệu quả mô hình tăng bình quân 39,47% so với ngoài mô hình.

Từ khóa: Chuỗi giá trị, giống lạc L20, mô hình

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam, những năm gần đây trong lĩnh vực nông nghiệp ở nhiều nơi đã hình thành nhiều chuỗi giá trị đồng bộ từ khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, tỷ lệ chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp còn thấp, mối liên kết còn lỏng lẻo, đặc biệt là mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân để tạo ra các chuỗi giá trị nông sản hàng hóa lớn còn hạn chế, quy mô sản xuất còn manh mún, nông dân còn khó khăn trong việc tiếp cận tiến bộ kỹ thuật mới, giống mới, vật tư, thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo chất lượng; nhiều sản phẩm của nông dân chưa xây dựng được thương hiệu, quảng bá sản phẩm, các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào chuỗi giá trị trong nông nghiệp còn ít, chủ yếu mới chỉ tham gia vào thu gom, sơ chế và tiêu thụ.

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, những năm gần đây, các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ tập trung xây dựng các mô hình kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng sản phẩm thương hiệu cho từng địa phương tập trung giới thiệu các giống mới đi cùng với kỹ thuật canh tác mới liên kết với các doanh nghiệp, các Hợp tác xã, tổ hợp tác áp dụng vào sản xuất theo hướng bền vững

Cây lạc là một trong những cây lợi thế của 6 tỉnh vùng Bắc Trung bộ, tính sơ bộ đến năm 2018, diện

tích đạt 49.572,1 ha; trong đó: Thanh Hóa 10.504 ha; Nghệ An 14.141 ha; Hà Tĩnh 13.563 ha; Quảng Bình 4.516 ha; Quảng Trị 3.571,1 ha và Huế là 3.269 ha (Niên giám Thống kê các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, năm 2018). Sản xuất lạc tại vùng Bắc Trung Bộ đang thiếu những giống tốt, người nông dân đang chủ yếu tự để giống, phương thức canh tác lạc hậu, manh mún; đặc biệt sản phẩm sản xuất ra đều do tư thương thu gom nhỏ lẻ, chưa được các doanh nghiệp liên kết tiêu thụ.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi giới thiệu kết quả bước đầu xây dựng mô hình sản xuất lạc thương phẩm năng suất, chất lượng cao theo chuỗi giá trị tại vùng Bắc Trung Bộ nhằm hình thành chuỗi giá trị đồng bộ từ khâu giống, biện pháp kỹ thuật sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cùng với sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác làm tăng năng suất và hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích, tăng thu nhập, ổn định đầu ra, cải thiện đời sống cho người dân, cung cấp cho thị trường sản phẩm chất lượng và hạn chế tình trạng được mùa mất giá, được giá mất mùa, góp phần giảm nghèo một cách bền vững.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Giống đưa vào ứng dụng trong mô hình là giống lạc L20, giống đã được công nhận chính thức theo Quyết định số 2953/QĐ-BNN-TT ngày 7/7/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

¹ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Chọn điểm, chọn hộ: Đơn vị triển khai dự án phối hợp với địa phương (UBND xã, thôn, xóm) tiến hành khoanh vùng chọn điểm và chọn hộ triển khai dự án với quy mô 60 ha: Nghệ An (10 ha); Hà Tĩnh (10 ha); Quảng Bình (20 ha); Quảng Trị (20 ha).

- Tập huấn kỹ thuật: Các đơn vị triển khai lên kế hoạch, nội dung tập huấn phối hợp cùng địa phương tập huấn kỹ thuật sản xuất lạc đạt năng suất cao cho người dân tham gia dự án.

- Kiểm tra chuẩn bị và cấp phát các loại vật tư: Đơn vị triển khai chuẩn bị vật tư phần hỗ trợ (50% giống, vật tư thiết yếu) cấp phát tận tay người tham gia dự án. Đồng thời cùng địa phương kiểm tra phần đối ứng của người dân (50% giống, vật tư thiết yếu).

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào xây dựng mô hình:

+ Về giống: Giống lạc L20 là giống mới do đơn vị chủ trì chọn tạo có thời có thời gian sinh trưởng 105 - 115 ngày, có năng suất và chất lượng cao, chịu thâm canh, có khả năng chống hạn phù hợp với vùng sinh thái tại vùng Bắc Trung Bộ.

+ Về quy trình công nghệ: Quy trình sản xuất lạc xuân đạt năng suất cao được đơn vị chủ trì xây dựng và hoàn thiện đã áp dụng thành công tại Nghệ An và Hà Tĩnh với năng suất trên 5 tấn/ha.

+ Về quản lý: Tạo mối liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân thông qua các hợp tác xã, tổ hợp tác; liên kết nông dân với nhau thành tổ sản xuất hàng hóa tập trung; Công ty TNHH MTV Từ Phong - Cam Lộ, Quảng Trị; Công ty TNHH XNK nông lâm thủy sản Sỹ Thắng - Diễn Châu,

Nghệ An liên kết với bà con nông dân để thu mua, bao tiêu sản phẩm.

- Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá: Các chỉ tiêu theo dõi, số liệu được thu thập và đánh giá theo QCVN 01-57:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn Việt Nam về Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống lạc (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011).

2.3. Thời gian, địa điểm và quy mô nghiên cứu

- Thời gian: Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2019.

- Địa điểm: Huyện Thanh Chương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; huyện Bố Trạch, huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình và huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Quy mô triển khai trong năm 2019: 60 ha; Số hộ tham gia: 379 hộ.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả xây dựng mô hình trình diễn

Kết quả bảng 1, cho thấy: Giống lạc L20 trong mô hình có tỷ lệ mọc từ 92,6% đến 95,3% cao hơn so với L14 từ 5,6 đến 10%; giống lạc L20 trong mô hình có thời gian mọc từ 5 - 6 ngày, nhanh hơn giống L14 từ 2 - 3 ngày; chiều cao cây dao động từ 41,4 - 45,6 cm và số cành cấp 1 dao động từ 3,8 đến 4,0 cành/cây, tương tự giống L14; số quả chắc trên cây giống lạc L20 biến động từ 10,6 đến 11,1 quả chắc/cây, cao hơn giống L14 từ 2,4 đến 2,6 quả chắc/cây.

Thời gian sinh trưởng tương đương so với giống L14, từ 105 - 110 ngày, phù hợp với cơ cấu gieo trồng tại các địa phương xây dựng mô hình.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển của giống lạc L20 trong mô hình so với giống lạc L14 ngoài mô hình

Chỉ tiêu	Nghệ An				Hà Tĩnh		Quảng Bình				Quảng Trị	
	Xã Thanh Văn		Xã Nghi Trường		Xã Sơn Ninh		Xã Kim Hóa		Xã Phúc Trạch		Xã Cam Thành	
	L20	L14	L20	L14	L20	L14	L20	L14	L20	L14	L20	L14
Tỷ lệ mọc (%)	95,3	82,6	93,2	85,1	95,7	84,3	95,2	86,4	94,2	89,7	92,6	83,6
Gieo - mọc (ngày)	5 - 6	7 - 8	6 - 7	7 - 8	5 - 6	7 - 8	6 - 7	7 - 8	6 - 7	7 - 8	5 - 6	7 - 8
Gieo - ra hoa rộ (ngày)	32	34	33	35	32	34	34	36	34	35	33	34
Chiều cao cây (cm)	45,6	44,4	41,8	41,3	44,5	40,2	41,4	42,3	43,5	41,7	43,1	42,7
Số cành cấp 1	4,3	3,8	4,1	4,0	4,1	4,0	4,0	4,0	4,1	4,0	4,2	4,0
Số quả chắc/cây	11,1	8,7	10,8	8,2	10,8	8,1	10,7	8,0	10,8	8,0	10,6	8,2
TGST (ngày)	105	105	110	100	105	110	105	100	110	110	105	100

Ghi chú: Ngày gieo: từ 10 - 14/02/2019.

Bảng 2. Năng suất và hiệu quả của mô hình

TT	Địa điểm thực hiện	Thực hiện tại mô hình			Năng suất ngoài mô hình	Tăng so ngoài mô hình	
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tạ)		Năng suất (tạ/ha)	Hiệu quả (%)
1	Xã Thanh Văn, Thanh Chương, Nghệ An	5	41,88	209,4	30,25	11,63	38,45
2	Xã Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An	5	35,8	179,0	25,6	10,2	39,84
3	Xã Sơn Ninh, Hương Sơn, Hà Tĩnh	10	41,2	412,0	29,3	11,9	40,61
4	Xã Phúc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	10	38,7	387,0	27,8	10,9	39,21
5	Xã Kim Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	10	34,68	346,8	23,93	10,75	44,92
6	Xã Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	20	40,27	805,4	30,1	10,17	33,79
	Bình quân	60	38,76	2.339,6	27,83	10,93	39,47

Bảng 3. Chất lượng giống lạc L20 so với Sen lai và L14

Giống	Hàm lượng Lipit (%/nguyên liệu khô kiệt)	Hàm lượng Protein (%/nguyên liệu khô kiệt)	Hàm lượng Tinh bột (%/nguyên liệu khô kiệt)
L14	49,61	30,46	7,82
L20	48,78	32,25	6,78
Sen Lai	50,00	27,55	7,72

Nguồn: Bộ môn Sinh hóa - Khoa Sinh học - Trường Đại học Vinh.

Kết quả bảng 2, 3 cho thấy: Dự án đã xây dựng được 60 ha; năng suất bình quân đạt 38,76 tạ/ha,

trong khi đó năng suất bình quân ngoài mô hình chỉ đạt 27,83 tạ/ha, cao hơn ngoài mô hình 10,93 tạ/ha; năng suất cao nhất 41,2 tạ/ha tại xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; tiếp đến là xã Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị đạt 40,27 tạ/ha. Hiệu quả mô hình tăng bình quân 39,47% so với ngoài mô hình.

Hàm lượng lipit của giống lạc L20 đạt 48,78%, thấp hơn so với giống lạc L14 và Sen lai từ 0,83 đến 1,22%; hàm lượng tinh bột thấp hơn giống L14 và Sen lai từ 0,94 đến 1,04%. Tuy nhiên, hàm lượng protein cao hơn L14 và Sen lai từ 1,79 đến 4,70%.

3.2. Kết quả tập huấn, đào tạo và nhân rộng mô hình

Bảng 4. Kết quả tập huấn xây dựng mô hình

TT	Địa điểm	Số người	Nội dung tập huấn	Đơn vị triển khai
1	Xã Thanh Văn, Thanh Chương, Nghệ An	50	Tập huấn quy trình kỹ thuật sản xuất lạc đạt năng suất cao: - Kỹ thuật bóc quả, chọn hạt và xử lý hạt giống. - Kỹ thuật làm đất, lên luống, rạch hàng, bón phân - Kỹ thuật gieo - Kỹ thuật phủ nilon và bóc nilon - Kỹ thuật chăm sóc, theo dõi và phòng trừ sâu bệnh và thu hoạch	Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ
2	Xã Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An	50		Trung tâm Giống cây trồng Nghệ An
3	Xã Sơn Ninh, Hương Sơn, Hà Tĩnh	100		Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ
4	Xã Kim Hoa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	100		Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ
5	Xã Phúc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	100		Trung tâm NC&PT Đậu đỗ
66	Xã Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	200		Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ
Tổng		600		

Bảng 5. Kết quả đào tạo nhân rộng mô hình

TT	Địa điểm	Lượt người	Nội dung tập huấn	Đơn vị triển khai
1	UBND xã Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An	40	1. Giá trị kinh tế - phân loại và tình hình sản xuất lạc	Trung tâm Giống cây trồng Nghệ An
2	UBND xã Kim Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	40	2. Đặc tính sinh học và yêu cầu ngoại cảnh của cây lạc	Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ
3	Trạm KN huyện Cam Lộ	40	3. Kỹ thuật sản xuất lạc đạt năng suất cao	Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ
Tổng		120	4. Liên kết trong sản xuất lạc theo chuỗi giá trị	

Kết quả bảng 4, 5, 6 cho thấy: Dự án đã tổ chức thành công 12 lớp tập huấn kỹ thuật xây dựng mô hình cho 600 lượt người; tổ chức được 03 lớp đào tạo nhân rộng mô hình cho 120 lượt người, đối tượng là nông dân ngoài mô hình tại các xã triển khai dự án và xã lân cận có điều kiện mở rộng mô hình; tổ chức hội nghị, tham quan đầu bờ cho 300 lượt người. Thông qua các lớp đào tạo tập huấn, hội nghị đầu bờ

giúp cán bộ, người dân hiểu sâu về các biện pháp kỹ thuật như gieo trồng đúng mật độ, bón phân cân đối, hợp lý cho lạc, tiết kiệm chi phí đầu tư, tiết kiệm công lao động, giới thiệu các tiến bộ kỹ thuật mới, liên kết các hộ sản xuất với các Sở, Ban ngành, các hợp tác xã, tổ hợp tác và các doanh nghiệp, nhằm kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững cho nông dân.

Bảng 6. Kết quả hội nghị tham quan đầu bờ

TT	Địa điểm	Lượt người	Nội dung hội nghị tham quan đầu bờ	Đơn vị triển khai
1	Xã Thanh Văn, Thanh Chương, Nghệ An	100	- Tổ chức thăm quan mô hình ngoài đồng ruộng.	Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ
2	Xã Sơn Ninh, Hương Sơn, Hà Tĩnh	100	- Hội nghị nhằm đánh giá, tuyên truyền, giới thiệu mô hình và các tiến bộ kỹ thuật mới đến người dân trong vùng và các vùng lân cận	Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ
3	Xã Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	100	- In tờ rơi, làm bảng biểu giới thiệu mô hình.	Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ
Tổng		300		

3.3. Kết quả kết nối các doanh nghiệp, hợp tác xã và các Ban, ngành

Trong quá trình thực hiện mô hình, bước đầu, dự án đã liên kết các hợp tác xã, tổ hợp tác cùng với các doanh nghiệp đồng trên địa bàn như: Công ty TNHH XNK Nông lâm thủy sản Sỹ Thắng - Diễn Châu, Nghệ An; Công ty TNHH MTV Từ Phong - Cam Lộ, Quảng Trị; Công ty Giống cây trồng Nghệ

An; Công ty Giống cây trồng Quảng Bình cùng đồng hành với các hộ nông dân, cung cấp giống, vật tư, thuốc bảo vệ thực vật, quy trình canh tác mới và cam kết, thu mua sản phẩm cho nông dân. Hiệu quả mô hình đã thay đổi nhận thức canh tác truyền thống của nông dân, chủ động, hạn chế rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, chất lượng sản phẩm được nâng cao, giá cả ổn định.

Bảng 7. So sánh hiệu quả liên kết chuỗi giá trị của mô hình so với sản xuất đại trà

Mô hình chuỗi giá trị	Sản xuất đại trà
- Giống mới, chất lượng giống đạt tiêu chuẩn theo quy định; chủ động nguồn giống;	- Giống không đảm bảo chất lượng, giống không rõ nguồn gốc, không chủ động nguồn giống;
- Tiến bộ kỹ thuật mới, quy trình canh tác tiến bộ, chất lượng nông sản cao;	- Tiến bộ kỹ thuật cũ, quy trình canh tác lạc hậu, chất lượng nông sản kém;
- Chủ động vật tư, phân bón, thuốc BVTV, đúng chủng loại;	- Không chủ động vật tư, phân bón, thuốc BVTV, không đúng chủng loại;
- Tổ chức sản xuất chặt chẽ, đồng bộ, hạn chế rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ;	- Tự phát, thiếu đồng bộ trong sản xuất, rủi ro cao trong quá trình sản xuất và tiêu thụ;
- Sản phẩm sản xuất ra được HTX thu gom, cung cấp cho công ty, không bị ép giá, giá cả ổn định, chủ động trong khâu sản xuất và tiêu thụ.	- Sản phẩm sản xuất ra thường bị tư thương ép giá, giá cả không ổn định, thiếu chủ động trong sản xuất và tiêu thụ.

3.4. Khả năng mở rộng và phát triển giống lạc L20 tại vùng Bắc Trung Bộ

Kết quả nghiên cứu và chọn tạo giống lạc L20 của Viện Bắc Trung bộ cho thấy: giống lạc L20 có thời gian sinh trưởng tương đương các giống đang trồng phổ biến ở vùng Bắc Trung Bộ; có năng suất, chất lượng cao, chịu thâm canh, chịu hạn tốt, phù hợp với vùng sinh thái Bắc Trung Bộ. Qua kết quả khảo sát, tổ chức hội nghị, hội thảo, và thực tế sản xuất, trong những năm tới, giống lạc L20 sẽ là giống lạc chủ lực của vùng Bắc Trung Bộ, đặc biệt là đối với tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh; dự kiến chiếm 50 - 60% diện tích của vùng.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Trong năm 2019, dự án đã triển khai xây dựng được 60 ha mô hình sản xuất lạc thương phẩm năng suất, chất lượng cao theo chuỗi giá trị tại vùng Bắc Trung Bộ.

Năng suất bình quân của giống lạc L20 trong mô hình đạt 38,76 tạ/ha cao hơn ngoài mô hình 10,93 tạ/ha; hiệu quả tăng bình quân 39,47% so với ngoài mô hình.

Dự án đã tổ chức tập huấn cho 600 lượt người, tổ chức đào tạo cho 120 lượt người và tổ chức hội nghị, tham quan đầu bờ cho 300 lượt người tham dự.

Dự án đã kết nối các hợp tác xã, tổ hợp tác và 2 doanh nghiệp cam kết cung cấp vật tư, giống và thu mua các sản phẩm cho các hộ sản xuất mô hình. Dự án đã xây dựng được chuỗi liên kết từ khâu

giống, vật tư, tiến bộ kỹ thuật đến khâu tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

4.2. Đề nghị

Tiếp tục triển khai mô hình, hỗ trợ về chính sách, khuyến khích nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, liên kết với hợp tác xã, tổ hợp tác và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu và khuyến khích các hộ sản xuất tham gia vào chuỗi giá trị, mở rộng diện tích sản xuất. Hỗ trợ kinh phí để các doanh nghiệp chế biến sâu các sản phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, 2019. *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2018*. Nhà xuất bản Thống kê.

Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2019. *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2018*. Nhà xuất bản Thống kê.

Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, 2019. *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2018*. Nhà xuất bản thống kê.

Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị, 2019. *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2018*. Nhà xuất bản Thống kê.

Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa, 2019. *Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hóa năm 2018*. Nhà xuất bản Thống kê.

Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, 2019. *Niên giám thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018*. Nhà xuất bản Thống kê.

QCVN 01-57:2011/BNNPTNT. Quy chuẩn Việt Nam về Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống lạc.

Results of building a high yield and quality commercial peanut production model by value chain in the North Central region

Bui Van Hung, Pham Van Linh, Tran Duy Viet

Abstract

Six models with an area of 60 hectares were built in 4 North Central provinces (Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị) in 2019. The results showed that the average yield in the production models reached 38.76 quintals/ha, higher than that in the conventional production by 10.93 quintals/ha. The seed lipid content of L20 variety was 48.78%, protein was 32.25% and starch was 6.78%. The technical training courses for 600 persons and 03 training courses on multiplication of the model for 120 trainees, conferences, field visit for 300 visitors were organized. The project and local authorities linked with trade companies to accompany households in the production and supplied seeds, materials, pesticides, new farming processes and committed to buy the products for farmers. Effective model has changed the traditional farming awareness of farmers, proactively, limiting risks in production and consumption of products, product quality was improved, price was stable, model efficiency increased by an average of 39.47% compared to outside the model. The efficiency of the model has changed farmers' awareness about traditional farming, proactively, limited risk in production and consumption, improved product quality, stable prices. The efficiency of model increased by 39.47% on average compared to outside model.

Keywords: Value chain, peanut variety L20, model

Ngày nhận bài: 22/3/2020
Ngày phản biện: 11/4/2020

Người phản biện: TS. Nguyễn Thế Yên
Ngày duyệt đăng: 02/5/2020

NGHIÊN CỨU LỰA CHỌN VÙNG TIỀM NĂNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Thị Hương¹, Bùi Thị Lan Hương¹, Đào Văn Thông¹,
Hà Mạnh Thắng¹, Ngô Đức Minh², Nguyễn Thị Huệ¹, Nguyễn Thị Mai³

TÓM TẮT

Xác định vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ (NNHC) tiềm năng có ý nghĩa quan trọng giúp các địa phương lập quy hoạch, bảo vệ, cải tạo hạ tầng cơ sở phục vụ phát triển bền vững vùng sản xuất NNHC. Kết quả nghiên cứu từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020 tại 17 huyện ngoại thành và 1 thị xã của TP. Hà Nội đã xác định được 20 tiêu chí để lựa chọn các vùng sản xuất NNHC tiềm năng tại Hà Nội. Trong đó, 7 tiêu chí bắt buộc là các tiêu chí quan trọng về quy hoạch, môi trường và chất lượng đất, nước được đánh giá theo mức độ đạt/không đạt; 13 tiêu chí không bắt buộc sử dụng để xác định thứ tự ưu tiên đầu tư tại các vùng tiềm năng. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 71 xã thuộc 14 huyện có vùng sản xuất đáp ứng cả 7 tiêu chí bắt buộc. Trong đó, lúa 35 xã; rau 12 xã; cây ăn quả 8 xã; chè 3 xã; hoa màu 12 xã; thủy sản 1 xã và chăn nuôi gia súc, gia cầm 28 xã. Kết quả đánh giá đối chiếu với 13 tiêu chí không bắt buộc đã xác định được trong lĩnh vực trồng trọt có 5/47 xã đạt mức độ ưu tiên đầu tư cao với số điểm cao nhất là 9/13, 28/47 xã đạt mức độ ưu tiên đầu tư trung bình với số điểm từ 7 - 8/13 và 14 xã đạt mức độ ưu tiên đầu tư thấp. Trong lĩnh vực chăn nuôi có 7/28 xã đạt mức độ ưu tiên cao; 21/28 xã đạt mức độ ưu tiên trung bình và không có xã đạt ưu tiên thấp.

Từ khóa: Sản xuất nông nghiệp hữu cơ, vùng tiềm năng, Hà Nội

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hệ thống canh tác nông nghiệp hữu cơ đã và đang là xu hướng phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới khi áp lực về an ninh lương thực giảm, sức ép về ô nhiễm môi trường do thâm canh tăng nhanh, áp lực về sinh an toàn thực phẩm và chất lượng nông sản an toàn thực phẩm tăng lên. Chính vì vậy, NNHC là một trong những định hướng của Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng trong thời gian tới. Trong những năm qua, Hà Nội đã bắt đầu hình thành những vùng sản xuất NNHC hoặc theo hướng hữu cơ nhưng còn phân tán, gây khó khăn cho công tác quản lý bền vững vùng sản xuất, đầu tư nâng cấp hạ tầng và tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Để thúc đẩy phát triển NNHC, đồng thời xây dựng được kế hoạch phát triển các vùng hữu cơ trong tương lai, Hà Nội cần sớm đánh giá tiềm năng của các vùng sản xuất để xác định những vùng thuận lợi, có thể thiết lập được hệ thống sản xuất hữu cơ, từ đó có kế hoạch sử dụng, cải tạo, khoanh vùng và đầu tư hạ tầng cơ sở phù hợp. Đồng thời, cần có những đánh giá đầy đủ về điều kiện kinh tế, xã hội, của người dân, từ đó để xuất giải pháp phát triển nông nghiệp hữu cơ cho Thành phố.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá, lựa chọn các vùng sản xuất hữu cơ tiềm năng

và các vùng trọng tâm ưu tiên đầu tư trên địa bàn TP. Hà Nội.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Bộ tiêu chí xác định vùng tiềm năng sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Hà Nội.
- Các vùng tiềm năng sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Xây dựng bộ tiêu chí: Xây dựng dự thảo và tham vấn ý kiến chuyên gia để lựa chọn tiêu chí phù hợp.
- Phương pháp lựa chọn các vùng tiềm năng sản xuất NNHC được thực hiện dựa trên các tiêu chí đã xác định.

Quy trình rà soát lựa chọn các vùng tiềm năng và xây dựng bản đồ được tiến hành theo sơ đồ hình 1.

Các CSDL để xây dựng bản đồ nông nghiệp hữu cơ tiềm năng TP. Hà Nội bao gồm (i) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2015 (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2015a); (ii) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của TP. Hà Nội (Ủy Ban nhân dân TP. Hà Nội, 2016); (iii) Bản đồ hành chính các cấp thuộc TP. Hà Nội (Ủy Ban nhân dân TP. Hà Nội, 2015).

¹ Viện Môi trường nông nghiệp; ² Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

³ Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội.